

THÔNG BÁO

V/v Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển hệ đại học chính quy năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDĐH ngày 04/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 887/ĐHTN-ĐT ngày 25/02/2026 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDĐH ngày 06/7/2026 về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026, điểm học tập bậc trung học phổ thông;

Căn cứ Thông báo 299/TB-ĐT SKT ngày 02/7/2026 của Viện trưởng Viện Đào tạo số và Khảo thí về bảng phân vị tương đương giữa điểm thi đánh giá năng lực (HSA) của Đại học Quốc gia Hà Nội và điểm thi tốt nghiệp THPT theo thang điểm 30 đối với các tổ hợp xét tuyển A00, B00, C00 và D01;

Căn cứ Công văn số 299/KTĐGQG-PTCCĐG ngày 06/7/2026 của Trung tâm khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục về Quy đổi điểm thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo từng môn.

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thông báo:

I. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào hệ đại học chính quy năm 2026

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026:



TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào
1	7460108	Khoa học dữ liệu	17,5
2	7340205	Công nghệ tài chính	17,5
3	7340122	Thương mại điện tử	17,5
4	7310109	Kinh tế số	17,5
5	7340301	Kế toán	17,5
6	7340101A	Kinh doanh số	17,5
7	7340101B	Quản trị kinh doanh	17,5
8	7340404	Quản trị nhân lực	17,5
9	7340115A	Digital Marketing	17,5
10	7340115B	Quản trị Marketing	17,5
11	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	17,5
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	17,5
13	7340403	Quản lý công	17,5
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	17,5
15	7810103A	Quản trị giải trí và Sự kiện	17,5
16	7810103B	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch	17,5
17	7380107	Luật kinh tế	20,0
18	7310101	Kinh tế	17,5
19	7310104	Kinh tế đầu tư	17,0
20	7310105	Kinh tế phát triển	17,0
21	7310110	Quản lý kinh tế	17,0
22	7340101TA	Quản trị kinh doanh khách sạn và Du lịch (dạy và học bằng Tiếng Anh)	17,5
23	7340115TA	Quản trị Marketing (dạy và học bằng Tiếng Anh)	17,5
24	7340201TA	Tài chính (dạy và học bằng Tiếng Anh)	17,5
25	7810103TA	Quản trị du lịch và Khách sạn (dạy và học bằng Tiếng Anh)	17,5
26	7510605TQ	Logistics Quốc tế (dạy và học bằng tiếng Trung Quốc)	17,5
27	7340122TQ	Thương mại điện tử xuyên biên giới (dạy và học bằng tiếng Trung Quốc)	17,5
28	7340301HG	Kế toán (Phân hiệu ĐH Thái Nguyên tại Hà Giang)	17,5
29	7310110HG	Quản lý kinh tế (Phân hiệu ĐH Thái Nguyên tại Hà Giang)	17,0

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với phương thức sử dụng kết quả bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT), kết quả thi đánh giá năng lực (HSA) của Đại học Quốc gia Hà Nội và kết quả thi đánh giá năng lực (SPT) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được quy đổi tương đương sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo thang điểm 30 để xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo từng ngành đào tạo:

- Đối với các ngành có ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là 17,5 điểm thi tốt nghiệp THPT, ngưỡng điểm quy đổi từ kết quả V-SAT, HSA và SPT phải đạt mức tương đương 17,5 điểm theo thang điểm 30 (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có));

- Riêng các ngành:

+ Luật Kinh tế (mã ngành 7380107) ngưỡng điểm quy đổi từ kết quả V-SAT, HSA và SPT phải đạt mức tương đương 20 điểm theo thang điểm 30 (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có));

+ Kinh tế đầu tư (mã ngành 7310104), Kinh tế phát triển (mã ngành 7310105) và Quản lý kinh tế (mã ngành 7310110) ngưỡng điểm quy đổi từ kết quả V-SAT, HSA và SPT phải đạt mức tương đương 17,0 điểm theo thang điểm 30 (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có)).

Lưu ý:

- Ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển bao gồm điểm bài thi/môn thi theo từng tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 30 đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có).

- Thí sinh xét tuyển theo các phương thức xét tuyển của Trường đều phải đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo mới được Nhà trường xét tuyển.

Điều kiện đối với thí sinh đăng ký ngành Luật kinh tế:

TT	Mã phương thức xét tuyển	Điều kiện				Ghi chú
		Tổ hợp xét tuyển	Điểm thi THPT 2026	Điểm kết quả học tập THPT	Điểm xét tuyển	
1	100	C01, C03, C04, D01, X01, X02	(Toán + Ngữ văn) $\geq 12,0$	-	$\geq 20,0$	
		A00, A01	Toán $\geq 6,0$	-	$\geq 20,0$	
		C00	Văn $\geq 6,0$	-	$\geq 20,0$	
2	200	C01, C03, C04, D01, X01, X02	$\geq 18,0$	(Toán + Ngữ văn) $\geq 12,0$	$\geq 23,0$	
		A00, A01	$\geq 18,0$	Toán $\geq 6,0$	$\geq 23,0$	
		C00	$\geq 18,0$	Văn $\geq 6,0$	$\geq 23,0$	

Đối với phương thức tuyển sinh sử dụng kết quả học tập THPT, V-SAT, HSA, SPT thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với ngành Luật kinh tế đồng thời kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

II. Quy đổi điểm giữa các phương thức xét tuyển hệ đại học chính quy năm 2026

Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh sử dụng công thức quy đổi áp dụng cho tất cả các phương thức:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

Trong đó:

x là điểm thí sinh đạt được cần quy đổi tương đương;

a, b, c, d là các mức điểm tương ứng trong bảng quy đổi;

y là điểm thí sinh đạt được sau khi quy đổi

1. Quy đổi điểm tương đương giữa kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 áp dụng cho phương thức 3 (Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (mã phương thức xét tuyển 200))

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GD&DH ngày 06/7/2026 về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026, điểm học tập bậc trung học phổ thông, Nhà trường quy đổi điểm tương đương giữa kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo thang đo 30:

Bảng quy đổi tương đương điểm kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Khoảng	Điểm thi TN THPT		KQ học tập THPT	
	c	d	a	b
Khoảng 1	26,5	30	28,0	30
Khoảng 2	25,0	26,5	26,5	28,0
Khoảng 3	21,0	25,0	24,0	26,5
Khoảng 4	19,0	21,0	22,0	24,0
Khoảng 5	17,0	19,0	20,0	22,0

- Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh sử dụng 10 tổ hợp: A00, A01, C00, C01, C03, C04, D01, D04, X01, X02;

- Không có chênh lệch điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

Ví dụ, một thí sinh xét khối A00 có điểm tổng điểm kết quả học tập THPT $x = 21,75$ trong khoảng $20,0 < x \leq 22,0$ thuộc TỐP 50% nên $a = 20$; $b = 22,00$; $c = 17$ và $d = 19$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm sau khi quy đổi sang điểm THPT là:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c) = 17 + \frac{(21,75 - 20,0)}{(22,00 - 20,0)} \times (19 - 17) = 18,75$$

2. Quy đổi tương đương giữa kết quả bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (kỳ thi V-SAT) và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 áp dụng cho phương thức 4 (Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (kỳ thi V-SAT) (mã phương thức xét tuyển 417)):

Bảng quy đổi tương đương điểm thi V- SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

TỐP	Toán		Vật lí		Hóa học	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
Điểm cao nhất	150	10	150	10	150	10
0,5%	144	9,5	135	9,25	140	9,5
1%	140,5	9,5	131	9,0	136,5	9,25

TÓP	Toán		Vật lí		Hóa học	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
2%	136,5	9,0	126,5	8,75	132	9,25
5%	129,5	9,0	119,0	8,35	125	8,75
10%	122,5	8,5	112,5	8,0	117	8,5
20%	113,0	8,25	103,5	7,25	107	8,0
30%	105,5	7,75	97,5	6,75	99,0	7,75
40%	98,5	7,5	92,0	6,25	92,5	7,35
50%	92,5	7,25	87,0	6,0	86,0	7,0
60%	86,0	6,75	82,0	5,5	80,0	6,6
70%	79,0	6,25	76,5	5,0	73,0	6,1
80%	71,5	5,75	70,0	4,35	66,0	5,5
≥ 90%	61,0	5,0	61,5	3,75	57,0	4,75

TÓP	Lịch sử		Địa lí		Tiếng Anh		Ngữ văn	
	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT	V-SAT	THPT
Điểm cao nhất	150	10	150	10	150	10	150	10
0,5%	141	10	135	9,5	142	9,25	133,5	9,0
1%	138	10	134	9,0	138	8,75	131,5	9,0
2%	136,5	9,75	130,5	8,75	135	8,5	129	8,75
5%	131	9,5	125	8,5	129	7,75	125	8,5
10%	126	9,25	119,5	8,25	121,5	7,25	121,5	8,25
20%	119	8,75	112	7,75	112,9	6,5	116,5	8,0
30%	113	8,5	105,5	7,25	105,5	5,75	113	7,75
40%	108	8,1	100,5	7,0	99	5,5	109,5	7,5
50%	103	7,75	95,5	6,5	92,5	5,0	106	7,25
60%	97,5	7,35	90,5	6,25	86	4,75	102,5	7,0
70%	91,5	7,0	84,5	5,75	78,5	4,25	98,5	6,75
80%	85	6,5	77,5	5,35	70	3,75	93,5	6,25
≥ 90%	75	5,75	68	4,6	59,5	3,25	87	5,75

Xây dựng Bảng quy đổi điểm thi các môn thi V-SAT sang điểm thi tốt nghiệp THPT theo phương pháp bách phân vị, kết hợp phép nội suy tuyến tính để quy đổi điểm cụ thể cho từng mốc điểm.

Trong đó: x điểm V-SAT thí sinh; a, b là hai điểm mốc xác định khoảng điểm V-SAT ($a < x \leq b$); y là điểm quy đổi tương đương điểm tốt nghiệp THPT; c, d là hai điểm mốc xác định khoảng điểm tốt nghiệp THPT tương ứng ($c < y \leq d$).

Ví dụ, một học sinh có điểm V-SAT môn Toán $x = 115$ trong khoảng $113 < x \leq 122,5$ thuộc TÓP THỨ 20% nên $a = 113$; $b = 122,5$; $c = 8,25$ và $d = 8,5$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính, điểm sau khi quy đổi sang điểm THPT là:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c) = 8,25 + \frac{(115 - 113)}{(122,5 - 113)} \times (8,5 - 8,25) = 8,3$$

3. Quy đổi tương đương giữa điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (bài thi HSA), thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Sư phạm Hà Nội (bài thi SPT) với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 áp dụng cho phương thức 5 (mã phương thức xét tuyển 402):

Mức điểm tương đương theo khoảng của điểm HSA và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026:

Khoảng	Điểm thi TN THPT		HSA	
	c	d	a	b
Khoảng 1	28,0	30	98	130
Khoảng 2	26,0	28,0	90	98
Khoảng 3	24,0	26,0	85	90
Khoảng 4	22,0	24,0	76	85
Khoảng 5	19,0	22,0	65	76
Khoảng 6	17,0	19,0	60	65

Mức điểm tương đương theo khoảng của điểm SPT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026:

Khoảng	THPT	A00	A01	C00	C01	C03	C04	D01	X01	X02
Khoảng 1	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
Khoảng 2	28	24,0	23,44	24,35	24,25	22,5	24,93	24,57	26,49	25,39
Khoảng 3	26	20,75	20,41	21,55	20,75	19,2	21,25	21,35	19,85	20,88
Khoảng 4	24	17,75	17,19	18,9	17,95	16,65	18,45	18,45	17,75	18,15
Khoảng 5	22	15,25	14,51	16,4	15,55	14,6	16,2	16,15	15,3	16,05
Khoảng 6	20	13,35	12,86	14,35	13,3	12,75	13,85	13,95	13,7	14,1
Khoảng 7	19	12,4	11,44	13,75	12,45	11,8	12,8	12,85	12,85	13,18
Khoảng 8	17	10,7	9,89	11,0	10,52	10,42	10,65	11,0	11,1	11,6

III. Kênh thông tin tuyển sinh:

Thí sinh cần theo dõi và cập nhật thông tin tại các địa chỉ sau:

- Cổng thông tin điện tử của Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh:

<https://tueba.edu.vn/> mục Tuyển sinh

- Hotline (trong giờ hành chính): 0982.100.819 - 0982.000.859

- Email: tuyensinhdhkt@tueba.edu.vn.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận: *[Signature]*

- ĐHTN (đề b/c);
- HĐTS trường (đề b/c);
- Đăng tải Westise Trường (đề t/b);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



[Signature]
PGS.TS. Đinh Hồng Linh